

Nhận xét của C.Mác về tín dụng TBCN như một gợi ý về những biểu hiện cụ thể của nền kinh tế định hướng XHCN

ĐỖ TRỌNG BÁ

Trong chương XXVII: “Vai trò của tín dụng trong nền sản xuất TBCN”, C.Mác có 4 nhận xét về chế độ tín dụng TBCN như sau:

1. “Việc thành lập chế độ tín dụng là cần thiết để làm môi giới cho việc san bằng tỷ suất lợi nhuận hay quá trình san bằng đó, quá trình làm cơ sở cho toàn bộ nền sản xuất TBCN”.

2. “Giảm bớt các chi phí lưu thông”.

3. “Những công ty cổ phần được thành lập”....

4. “Biến thành chế độ đầu cơ và gian lận”. Và vừa “Là cơ sở chủ yếu của việc chuyển hóa dần dần những xí nghiệp tư nhân TBCN thành những công ty cổ phần TBCN, chế độ tín dụng này đồng thời cũng là một phương tiện dần dần mở rộng trên quy mô ít nhiều rộng lớn các xí nghiệp hợp tác (của công nhân -thế giới) tới phạm vi toàn quốc”⁽¹⁾.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến nhận xét thứ 3 và 4 của C.Mác, vì đó là nhận xét mà chúng tôi quan tâm khi nghiên cứu nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của chúng ta hiện nay.

Ở nhận xét thứ ba, C.Mác đã chỉ ra rằng, *một là*, nhờ sự ra đời của các công ty cổ phần cơ chế độ tín dụng tạo ra với quy mô sản xuất được mở rộng một cách to lớn và xuất hiện những xí nghiệp mà với những tư bản riêng lẻ người ta không thể nào thiết lập được. *Hai là*, tư bản ở các công ty cổ phần “trực tiếp mang hình thái tư bản xã hội (tư bản của những cá nhân trực tiếp liên hiệp lại với nhau) đối lập với tư bản tư nhân; do

đó những xí nghiệp của nó cũng biểu hiện ra là những xí nghiệp xã hội đối lập với các xí nghiệp tư nhân. Đó là sự thủ tiêu tư bản với tư cách là sở hữu tư nhân ở trong những giới hạn của bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”⁽²⁾. *Ba là*, biến nhà tư bản thật sự hoạt động thành một người chỉ giản đơn điều khiển và quản lý tư bản của người khác và biến những người sở hữu tư bản thành nhiều người sở hữu thuần túy, thành nhiều nhà tư bản tiền tệ thuần túy. “Trong các công ty cổ phần, chức năng tư bản tách rời với quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và lao động thặng dư. Đó là kết quả của sự phát triển cao nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, là *điểm quá độ tất nhiên để tư bản lại chuyển thành sở hữu của những người sản xuất, nhưng không phải với tư cách là sở hữu của những người sản xuất liên hiệp, thành sở hữu xã hội trực tiếp* (nhấn mạnh-TG)”⁽³⁾.

Ở nhận xét thứ tư, C.Mác chỉ ra rằng, “Trong giới hạn của hình thái cũ, chính bản thân những nhà máy hợp tác của công nhân là một lỗ thủng đầu tiên trong hình thái đó”⁽⁴⁾. Vì chế độ tín dụng, ngoài việc chuyển hóa dần dần những xí nghiệp tư nhân TBCN thành công ty cổ phần TBCN, còn là phương tiện để dần dần mở rộng các xí nghiệp

Đỗ Trọng Bá, Ts. Tạp chí Lý luận chính trị.

(1) C.Mác và Ph.ăngghen. toàn tập, T25. P I Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1994, tr 665, 666, 673.

(2) C.Mác và Ph.ăngghen Toàn tập, T 25, P I Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật Hà Nội 1994, tr 667

(3,4) sđd, tr 668, 673.

hợp tác của công nhân trên quy mô ngày càng rộng lớn. theo C.Mác, những xí nghiệp cổ phần TBCN, cũng như nhà máy hợp tác của công nhân, đều phải được coi là nhiều hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể.

Cuối cùng C.Mác rút ra tính chất hai mặt của chế độ tín dụng TBCN. Một mặt, nó làm cho cái động lực của nền sản xuất TBCN phát triển lên để biến thành chế độ đầu cơ và gian lận hết sức thuần túy và cực kỳ to lớn và để ngày càng thu hẹp dần cái nhóm người bóc lột những của cải xã hội. Mặt khác, nó lại là hình thái quá độ sang một phương thức sản xuất mới. Đây là những nhận xét C.Mác viết cách đây đã hơn 100 năm, nhưng ngày nay chúng vẫn còn nguyên giá trị đối với các nước tư bản. Hơn nữa, chúng còn là một gợi ý cho những nước đi theo con đường XHCN, như nước ta, những hình thức thể hiện cụ thể trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Gợi ý đó là: cần xây dựng các công ty cổ phần và nhà máy hợp tác của công nhân.

Như C.Mác đã nhận xét, những xí nghiệp cổ phần TBCN và những nhà máy hợp tác của công nhân là những hình thái quá độ từ phương thức sản xuất TBCN sang phương thức sản xuất mới. Nó là hình thái quá độ, bởi vì tuy những xí nghiệp cổ phần là những xí nghiệp xã hội đối lập với xí nghiệp tư nhân, tức là đối lập với hình thái cũ, nhưng nó vẫn chưa thoát khỏi giới hạn của chế độ TBCN. Đáng lẽ sự chuyển hóa này phải khắc phục được mâu thuẫn cơ bản của CNTB thì nó lại chỉ làm cho mâu thuẫn đó thêm gay gắt dưới một hình thái mới, vậy rõ ràng là nếu mâu thuẫn này được giải quyết thì công ty cổ phần là một hình thức tổ chức kinh tế mang tính chất của một phương thức sản xuất mới.

Trước đây, chúng ta đã xây dựng một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Chúng ta xoá bỏ các thành phần kinh tế, xây dựng chế độ công hữu dưới hai

hình thức chủ yếu là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Và hai hình thức tổ chức kinh tế chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã.

Do hiểu không đúng quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nên đã để xảy ra tình trạng quan hệ sản xuất vượt xa trình độ của lực lượng sản xuất. Chính vì thế mà nó đã kìm hãm sự phát triển, đẩy nền kinh tế rơi vào khủng hoảng. Nhận ra sai lầm trong chỉ đạo, Đảng ta đã chủ trương phải đổi mới, mà trước hết là đổi mới tư duy kinh tế.

Trong đổi mới tư duy kinh tế có một chủ trương là phải cổ phần hóa các DNNN; khi chủ trương này ra đời có ý kiến cho rằng cổ phần hóa chính là tư nhân hóa tài sản nhà nước. Chúng tôi cho rằng nói như vậy là không đúng. Cổ phần hóa, như C.Mác nói là xã hội hóa, liên hiệp hóa, hợp tác hóa, chứ không phải là tư nhân hóa.

Có một câu hỏi đặt ra là: liệu công ty cổ phần trong thời kỳ quá độ lên CNXH có giải quyết được mâu thuẫn giữa tính chất của cải với tư cách là của cải xã hội và tính chất của cải với tư cách là của cải tư nhân không? câu trả lời mâu thuẫn này chưa giải quyết được triệt để, vì vậy Đảng ta xác định chỉ mới xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chứ chưa phải là xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN.

Cụ thể là:

Đối với những công ty cổ phần của tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, hoặc các công ty cổ phần mà cổ đông chủ yếu là những người có của, chứ chưa phải là người lao động thì mâu thuẫn này về cơ bản chưa được giải quyết. Song, trong bối cảnh mới, nó hoạt động không thể như khi hoạt động trên cơ sở của chính nó. Nó bị chi phối bởi nhà nước của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Còn đối với những công ty cổ phần có nhà nước tham gia với cổ phần chi phối hoặc không chi phối, thì mâu thuẫn này được giải

quyết về cơ bản và đó chính là CNTB nhà nước, là chiếc cầu nối lên CNXH, như V.I.Lênin đã chỉ ra.

Riêng đối với những công ty cổ phần không những có nhà nước tham gia, mà cổ đông phần lớn là người lao động, như một trong những mục tiêu cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ghi trong Nghị định số 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19-6-2002, thì mâu thuẫn nói trên coi như đã được giải quyết. Vì, theo chúng tôi, một số ít cổ đông là tư bản nước ngoài hay trong nước nắm giữ một lượng nhỏ cổ phần sẽ không có khả năng làm biến dạng bản chất mới của công ty cổ phần trong điều kiện mới. Còn nếu toàn bộ cổ đông của công ty cổ phần là nhà nước và người lao động thì đây là trường hợp tốt nhất để giải quyết mâu thuẫn một cách triệt để, và nó chính là hình thức biểu hiện cụ thể của phương thức sản xuất mới. Tuy nhiên, trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế hiện nay thì việc nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào công ty cổ phần do nhà nước XHCN chi phối là điều bình thường và không ảnh hưởng gì đến bản chất mới của nó.

Lâu nay tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm chạp, không theo đúng kế hoạch đã vạch ra. Lý do thì có nhiều. Song, tựu chung lại đều do sự va chạm lợi ích mà ra. Để tạo điều kiện thuận lợi và đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, mới đây Chính phủ đã ban hành Nghị định 64 thay thế cho Nghị định 44 ngày 29-6-1998. Chắc chắn rằng, sau ngày Nghị định mới có hiệu lực, tiến trình cổ phần hóa sẽ được đẩy nhanh hơn và tốt hơn.

Bây giờ chúng tôi chuyển sang những nhà máy hợp tác của công nhân theo C.Mác, trong lòng xã hội tư bản những nhà máy này “vẫn lặp lại và không thể không lặp lại tất cả những khuyết điểm của chế độ hiện tại. Nhưng, sự đối kháng giữa tư bản và lao động đã được xóa bỏ trong phạm vi nhiều nhà máy hợp tác đó, mặc dầu buổi đầu nó

chỉ được xóa bỏ bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành nhà tư bản đối với chính bản thân mình, nghĩa là cho họ có thể dùng tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ”⁽⁵⁾.

Rõ ràng, có một logic đương nhiên là khi giai cấp công nhân giành được chính quyền thì trong những nhà máy hợp tác của công nhân, mâu thuẫn sẽ được giải quyết và những nhà máy này cũng là một hình thức biểu hiện cụ thể của phương thức sản xuất mới.

Nhà máy hợp tác của công nhân có thể có hai hình thức, mà hình thức đầu tiên là công nhân góp vốn như nhau để thành lập nhà máy và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Còn hình thức thứ hai là công nhân góp vốn không như nhau để thành lập nhà máy, thực hiện nguyên tắc phân phối vừa theo lao động vừa theo vốn. Đây là một dạng của công ty cổ phần, chỉ khác ở chỗ là tất cả cổ đông đều là người lao động tại nhà máy.

Hiện nay, trong tổng số 6000 doanh nghiệp nhà nước thì có đến 60% (có tài liệu nói 70%) số doanh nghiệp làm ăn không có lãi (hoặc ít lãi) và thua lỗ. Chúng ta đã có chủ trương giao, bán, khoán cho thuê. Vậy vì sao không nhanh chóng giải quyết số doanh nghiệp này để Nhà nước bớt đi một gánh nặng. Đương nhiên là không ai đại gì bỏ tiền ra để mua hoặc thuê những doanh nghiệp làm ăn không có lãi hoặc thua lỗ. Chính vì thế mà phải có chính sách cụ thể. Chúng tôi xin có mấy kiến nghị sau:

1- Đối với những doanh nghiệp nhà nước làm ăn không có lãi.

Nhà nước cho tập thể công nhân thuê với giá tượng trưng và miễn thuế 3 năm. Doanh nghiệp sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước khi làm ăn có lãi. Trong trường hợp 3 năm doanh nghiệp làm ăn vẫn không có lãi, thì Nhà nước vẫn nên tiếp tục thực hiện chế độ ưu đãi đối với doanh nghiệp, vì như vậy vẫn có lợi hơn là Nhà nước quản lý.

(5) Sđd, tr 673

2- Đối với những doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ.

Nhà nước không bán mà nên giao không cho tập thể công nhân doanh nghiệp để họ tự quản. Điều này sẽ gây ra thắc mắc là vì sao lại đem của công giao cho một số người? Chúng tôi cho rằng, ruộng đất cũng là của công, Nhà nước đem giao cho nông dân được, thì vì sao lại không giao nhà máy cho công nhân? Hơn nữa, đây chỉ là những doanh nghiệp thua lỗ, thì việc Nhà nước đem giao cho công nhân là một chính sách khôn ngoan, đỡ bị hút vốn vào những lỗ hổng không đáy, khi giám đốc chỉ biết tiêu “tiền chùa”.

Có một điều quan trọng mà chúng tôi muốn lưu ý là, khi Nhà nước giao không doanh nghiệp nhà nước cho tập thể công nhân thì doanh nghiệp nhà nước đã biến thành nhà máy hợp tác của công nhân (thuật ngữ của C.Mác). Việc làm này là đúng định hướng XHCN, vì như đã biết, nhà máy hợp tác của công nhân là một hình thức biểu hiện cụ thể của phương thức sản xuất mới. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, Nhà nước nên mạnh dạn giao không những doanh nghiệp nhà nước thua lỗ cho tập thể công nhân để họ tự quản. Và chúng tôi tin rằng, khi được tự quản, công nhân sẽ có rất nhiều sáng kiến để vực doanh nghiệp dậy và phát triển. Điều này không những có lợi cho công nhân, mà còn có lợi cho Nhà nước, cho xã hội nói chung.

Không những thế, chúng tôi còn cho rằng đến một lúc thích hợp nào đó, khi trình độ của giai cấp công nhân được nâng lên ngang tầm với tầng lớp tri thức - kết quả của quá trình công nhân hóa tri thức và tri thức hóa công nhân, thì phải giao các doanh nghiệp

nhà nước cho giai cấp công nhân. Vì giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, cho nên phải hữu sản hóa giai cấp công nhân. Có làm chủ về kinh tế mới có thể làm chủ về chính trị. Đó là quy luật khách quan. Như đã biết, trong xã hội tư bản, giai cấp tư sản là giai cấp thống trị và cả giai cấp tư sản thống trị xã hội trên thực tế (các nhà tư bản đều là các ông chủ xí nghiệp, các công ty) chứ không phải chỉ thống trị thông qua đảng đại diện của nó. Vậy thì sao giai cấp công nhân chỉ lãnh đạo, thống trị thông qua đảng tiên phong của nó? Còn thực tế nó vẫn “trần như nhộng” và phải đi làm thuê. Cái danh “làm chủ” chỉ là “hữu danh vô thực”! Kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, nếu sự lãnh đạo, thống trị của giai cấp chỉ thông qua đảng đại diện, chứ không phải do toàn giai cấp lãnh đạo, thống trị trên thực tế, thì một khi lãnh đạo của nó tha hóa, phản lại giai cấp, nó sẽ bị mất sạch. Chỉ khi nào các doanh nghiệp nhà nước được giao cho giai cấp công nhân thì khi đó giai cấp công nhân mới là giai cấp lãnh đạo, thống trị trên thực tế. Đến khi đó thì dù lãnh đạo của nó có tha hóa, phản bội thì nó vẫn có “thế” và “lực” để xoay chuyển lại tình hình, chứ không như giai cấp công nhân Liên Xô khi bị phản bội thì không còn biết xoay sở ra làm sao và đành cam chịu thân phận “làm thuê” như những năm trước Cách mạng tháng Mười.

Để kết luận chúng tôi muốn nhắc lại rằng, những nhận xét của C.Mác về chế độ tín dụng TBCN cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, không những thế, nó còn gợi ý cho chúng ta về những hình thức biểu hiện cụ thể của phương thức sản xuất mới, đó chính là một trong những định hướng XHCN mà chúng ta cần thực hiện dưới dạng rất cụ thể./.